

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2018/HS - PT

Ngày: 12/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thái

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Khánh Phương
Ông Hà Quang Huy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Dương Xuân Hồ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/LTPT – HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Vũ Thanh T do có kháng nghị của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HS – ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Bị cáo bị kháng nghị: **Vũ Thanh T** - Sinh ngày 29 tháng 4 năm 1989;

Trú tại: Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn T (đã chết) và con bà Dương Thị H; vợ là Hoàng Thị T và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/12/2017 đến ngày 04/5/2018 được trả tự do ngay tại phiên tòa. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại không kháng cáo và không bị kháng nghị:*

Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1997; trú tại Thôn V, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1971; trú tại: Thôn V, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Bà Dương Thị H, sinh năm 1970; trú tại Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 01/9/2015 Vũ Thanh T đi xe khách từ tỉnh Thái Nguyên đến nhà anh Vũ Văn T1 tại thôn V, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để chơi (vì T1 là em trai cùng cha khác mẹ với Vũ Thanh T). Khi đến ngã ba L, huyện N thì T xuống xe mang theo một chiếc ba lô màu đen đựng đồ cá nhân, rồi T thuê anh Lương Văn T3 trở Tuấn từ xã Lam Sơn đến nhà anh T1. Tới nơi, T bảo anh T3 chờ T vào nhà T1 mượn tiền, nhưng anh T1 không có ở nhà nên T không mượn được tiền trả tiền xe ôm cho anh T3. Tuấn quay ra bảo anh T3 giữ túi đồ cá nhân của T về nhà, còn Tuấn ở lại nhà anh T1 chơi.

Khoảng 11 giờ ngày 02/9/2015 T hỏi mượn xe mô tô của anh T1 để đi ra nhà anh T3 chuộc lại túi đồ cá nhân nhưng anh T1 không đồng ý để T đi một mình. Sau khi, ăn cơm trưa xong, T lại hỏi mượn xe anh T1 lần nữa nhưng anh T1 không cho và đi ngủ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định trộm xe của anh T1 mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lợi dụng lúc anh T1 ngủ trưa T vào nhà lấy chiếc mũ bảo hiểm của anh T1 để đầu giường ngủ, quay ra lặng lẽ dắt xe mô tô đi ra đường, đi được khoảng 100m thì T dùng chân khởi động nổ máy xe chạy thẳng đường quốc lộ 279 và đi theo hướng đèo K đến khu vực xã T, huyện N thì T rẽ vào hiệu cầm đồ cầm cố chiếc xe được số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số tiền trên T đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất xe anh T1 đến Công an huyện N trình báo sự việc và đề nghị giải quyết.

Ngày 21/12/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo Vũ Thanh T. Đến ngày 02/12/2017 T bị bắt theo quyết định truy nã trên.

Tại bản kết luận định giá số: 32 ngày 30/10/2015 của hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 20L7 – 8203 tại thời điểm bị mất có giá trị 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HS – ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định tuyên bố bị cáo Vũ Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 138/BLHS năm 1999; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31/BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 328 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Thanh T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 05 tháng 02 ngày tạm giam từ ngày 02/12/2017 đến 04/5/2018 = 15 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ) Thời gian còn lại phải chấp hành án là 02 tháng 24 ngày tính từ ngày

tuyên án sơ thẩm 04/5/2018. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Vũ Thanh T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Vũ Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái nguyên giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/5/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quyết định kháng nghị số: 01/QĐ – VKS với nội dung: Kháng nghị một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ của bản án hình sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HSST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên nội dung kháng nghị đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng nghị số: 01/KN – VKS ngày 17/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Rì. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HSST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì về thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Vũ Thanh T được tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về trình tự thủ tục: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là đúng trình tự, thủ tục và trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận: Ngày 02/9/2015 lợi dụng lúc anh Vũ Văn T1 đang ngủ trưa bị cáo đã lén lút lấy trộm xe máy của anh T1 đi thẳng đường Quốc lộ 279 ra đến địa phận xã T, huyện N bị cáo cầm cố chiếc xe được 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), số tiền này bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, bị cáo trốn đi làm thuê và bị Công an ra quyết định truy nã, đến ngày 01/12/2017 bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã. Lời khai của bị cáo là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ như vậy có đủ cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về mức hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 bộ luật hình sự năm 1999 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, mức hình phạt 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn HĐXX thấy rằng: Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện N tuyên: Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 05 tháng 02 ngày tạm giam từ ngày 02/12/2017 đến 04/5/2018 = 15 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ) Thời gian còn lại phải chấp hành án là 02 tháng 24 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/5/2018.

Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2010/NQ – HĐTP về bổ sung mục 3a hướng dẫn về thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ vào Phần III Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sau:

“Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ phải được tuyên trong phần quyết định của bản án.”

Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện N xác định thời điểm tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Vũ Thanh T từ ngày tuyên án sơ thẩm là không chính xác, trái với Nghị quyết hướng dẫn số 02/2010/NQ - HĐTP của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ – VKS – NR ngày 17/5/2018 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HSST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” (được trừ 05 tháng 02 ngày tạm giam từ ngày 02/12/2017 đến 04/5/2018 = 15 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ) Thời gian còn lại phải chấp hành án là 02 tháng 24 ngày tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Vũ Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái nguyên giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- TAND huyện Na Rì;
- THADS huyện Na Rì;
- Công an huyện Na Rì;
- Bị cáo ;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Thái